| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2019/DS-PT
Ngày: 13/3/2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Vân.
*Các thẩm phán:*

1. Ông Lâm Văn Be

2. Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: số 36/6, khu phố 1, phường H, quận 12, thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 17/01/ 2019); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1968;

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 210, tổ 10, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số nhà 210, tổ 10, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018); có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày*: Do quen biết nên bà L có cho bà N vay tiền nhiều lần nhưng không viết giấy nợ. Đến ngày 02/03/2015 bà N đến nhà bà L vay thêm tiền, do lúc này số tiền bà N vay của bà tương đối nhiều nên giữa bà và bà N tính toán, cộng nợ với nhau thì bà N còn nợ bà số tiền 520.000.000 đồng, bà L có viết giấy nợ và bà N ký tên vào giấy nợ. Do ngày 02/03/2015 giữa bà và bà N đã chốt số tiền nợ và viết giấy vay tiền nên bà không nhớ số tiền và thời gian cụ thể bà N vay tiền của bà trước ngày 02/03/2015 là bao nhiêu. Từ khi viết giấy nợ, bà N hẹn sẽ vay tiền Ngân hàng và trong thời gian 01 tháng sẽ trả đủ tiền cho bà, giữa bà và bà N thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng. Đến hẹn, bà N không trả tiền cho bà. Bà đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà N, ông T trả tiền nhưng bà N, ông T hẹn trong thời hạn 02 năm tức đến ngày 02/3/2017 sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà nhưng đến nay không thực hiện. Từ khi vay, bà N và ông T chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà. Mục đích bà N vay tiền của bà là để điều trị bệnh cho con, mua thuốc chăm sóc và điều trị cho cây cao su bệnh và nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà N, ông T trả cho bà số tiền nợ gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi 1%/1 tháng tính từ ngày 02/3/2015 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N trình bày:* Bà N thừa nhận vào năm 2015 bà có vay tiền của bà L nhưng không viết giấy vay tiền, số tiền vay bà đã thanh toán xong cho bà L. Năm 2016, thông qua bà L giới thiệu, bà có vay tiền của chị Ngô Thị Dsố tiền 530.000.000 đồng nhưng bà cũng đã trả xong cho chị D. Bà không vay của bà L số tiền 520.000.000 đồng như lời bà L trình bày. Chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 02/3/2015 không phải chữ ký, chữ viết của bà. Bà thừa nhận bà L có đến nhà bà đòi tiền nhiều lần, nhưng bà L đến nhà bà đòi nợ là tiền bà vay của chị D vào năm 2016.

Nay bà L yêu cầu bà và ông T trả số tiền vay gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi 1%/1 tháng tính từ ngày 02/3/2015 đến khi giải quyết xong vụ kiện bà không đồng ý.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện hợp pháp của ông T - bà Lê Thị N trình bày*:

Ông T và bà N không vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền 520.000.000 đồng, ngày 02/3/2015 bà N ký giấy nợ như lời của bà L trình bày. Bà L có đến nhà ông, bà đòi tiền, nhưng đó là số tiền ông và bà N vay của chị Ngô Thị Dvào năm 2016 do bà L giới thiệu. Ông thống nhất với ý kiến của bà N, ông không đồng ý cùng bà N trả số tiền 520.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay gốc 520.000.000 đồng và tính lãi

1%/tháng từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án.

* Bị đơn bà Lê Thị N cho rằng bà có đưa cho bà L số tiền 480.000.000 đồng để trả nợ trong số tiền 530.000.000 đồng mà bà vay của chị D ngày 22/02/2016 thông qua bà L và giấy nợ ghi vay tiền của chị D. Nhưng khi bà đưa tiền cho bà L 480.000.000 đồng để trả cho chị D, bà không viết giấy giao nhận tiền với bà L, do đó khi chị D khởi kiện bà và ông T số tiền vay 530.000.000 đồng bà vẫn đồng ý trả cho chị D số tiền vay gốc 530.000.000 đồng và tiền lãi.

* Nguyên đơn bà L cho rằng bà có nhận của bà N số tiền 480.000.000 đồng nhưng là tiền bà N trả cho bà trong khoản nợ khác. Vì bà N vay tiền của bà nhiều lần không ghi giấy nợ, do bà N vay tiền của bà để trả nợ Ngân hàng vài ngày bà N trả lại tiền cho bà, nên khi vay cũng như khi bà N trả tiền giữa bà với bà N không viết giấy nợ và giấy trả tiền. Nhưng số tiền 480.000.000 đồng bà nhận của bà N không liên quan đến số tiền bà N vay của bà D 530.000.000 đồng mà do bà giới thiệu và cũng không liên quan đến số tiền bà N vay của bà 520.000.000 đồng mà bà khởi kiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi 174.200.000 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi 694.200.000 (sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi với số tiền 58.066.000 đồng của bà Phạm Thị L.

2. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.040.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Phạm Thị L đã nộp tạm ứng chi phí giám định 2.040.000 đồng và đã chi phí xong; bà N, ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L tiền chi phí giám định 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2018, bà Lê Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện T ra quyết định kháng nghị số 01/2018/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: kháng nghị một phần đối với bản án sơ thẩm về nghĩa vụ phải trả nợ của bị đơn, phần án phí thực tế theo quyết định mà các đương sự phải chịu và không được chấp nhận theo yêu cầu của bà L đối với bà N, sửa bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng

đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N. Chấp nhận kháng nghị số 01/2018/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 53/2018/DS- ST ngày 22-11-20-18 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà N thấy rằng:

Bà N không thừa nhận có vay của bà L số tiền 520.000.000 đồng như lời bà L trình bày. Bà thừa nhận bà có vay tiền của bà L để trả tiền nợ Ngân hàng, khi vay bà không viết giấy nợ và bà đã trả nợ xong cho bà L (BL số 39). Tại biên bản lấy lời khai bà N tại cấp phúc thẩm, bà N cho rằng chữ ký trong giấy nợ ngày 02/3/2015 số tiền 520.000.000 đồng (BL 15) bà vay bà L là chữ ký khống để mua bảo hiểm nhân thọ  nhưng không có gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó có căn cứ cho rằng bà N đã vay bà L số tiền 520.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Bà N cho rằng, ngày 22/02/2016, bà N có vay tiền của bà Ngô Thị D530.000.000 đồng, thông qua bà L giới thiệu, nhưng bà đã trả 480.000.000 đồng. Chữ ký, chữ viết "Lê Thị N" trong giấy vay tiền ngày 02/3/2015 không phải là chữ ký, chữ viết của bà. Thấy rằng: bà N trình bày như nêu trên là không có căn cứ, bởi lẽ việc bà N vay tiền của bà D đã được giải quyết xong tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 88/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận, bà N đồng ý trả cho bà D số tiền 530.000.000 đồng; bà N cho rằng bà đồng ý trả số nợ 530.000.000 đồng cho bà D vì bà chưa có viết giấy giao nhận tiền với bà L nên thống nhất còn nợ bà D 530.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai bà N vào ngày 08/3/2019, bà N khai bà L và bà D khởi kiện đòi tiền vay của bà cùng thời điểm tuy nhiên bà cho rằng đã đưa cho bà L 480.000.000 đồng để trả cho bà D nên chấp nhận trả bà D 530.000.000 đồng là không có căn cứ vì bà D bà L đang khởi kiện bà ở 2 khoản vay khác nhau và cùng thời điểm, do đó việc bà tự cấn trừ phần bà cho rằng đã giao cho bà L 480.000.000 đồng để trả cho khoản vay 520.000.000 đồng là không có căn cứ. Bên cạnh đó, tại biên bản đối chất ngày 08/3/2019, bà D cho rằng không chứng kiên việc giao tiền giữa bà N với bà L như lời trình bày của bà N.

Bên cạnh đó, bà L cho rằng bà có nhận của bà N số tiền 480.000.000 đồng là tiền bà N trả nợ cho bà trong khoản vay khác mà bà N vay tiền của bà để trả nợ Ngân hàng, vay không viết giấy nợ, không liên quan đến số tiền bà khởi kiện bà N 520.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của bà L là phù hợp với lời trình bày của bà N tại bút lục số 39, vì giữa bà N và bà L có nhiều lần vay nợ và trả nợ với nhau nhưng không làm giấy; bà N cũng thừa nhận bà có vay tiền của bà L để trả nợ

Ngân hàng, khi vay bà không viết giấy nợ và bà đã trả nợ xong cho bà L không làm giấy. Do đó, không có căn cứ cho rằng trong số tiền 520.000.000 đồng bà N đã trả cho bà L 480.000.000 đồng.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh thấy rằng:

Bà N không thừa nhận có vay của bà L số tiền 520.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 02/3/2015, tuy nhiên tại kết luận giám định số 1245 kết luận chữ ký và chữ viết họ tên Lê Thị N là do bà N ký và viết ra. Do đó có căn cứ cho rằng bà N đã vay bà L số tiền 520.000.000 đồng.

Phía bà N cho rằng đã đưa cho bà L số tiền 480.000.000 đồng để trả cho khoản vay 530.000.000 đồng của bà D tuy nhiên bà D không thừa nhận có sự việc trên do đó vụ án giữa bà D và bà N đã được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Phía bà L cho rằng có nhận 480.000.000 đồng nhưng là nhận cho các khoản vay khác không có giấy nợ khác là có căn cứ, vì theo bút lục số 39 cũng như lời khai của bà L và bà N tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm cả bà L và bà N đều thừa nhận 2 bên đã nhiều lần cho vay và trả tiền vay do tin tưởng nên không làm giấy.

Mặt khác, bà N cũng cho rằng bà đưa bà L số tiền 480.000.000 đồng là để trả cho khoản vay 530.000.000 đồng của bà D chứ không phải để trả cho khoản vay 520.000.000 đồng của bà L. Do đó, không có căn cứ suy luận rằng bà L thừa nhận có nhận số tiền 480.000.000 đồng là nhận của khoản vay 520.000.0000 đồng (ngày 02/3/2015) vì bà N khẳng định nhiều lần bà trả số tiền 480.000.000 đồng là cho khoản vay 530.000.000 đồng của bà D. Do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[3] Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 02/3/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm mà tính 0,75%/tháng do các bên có tranh chấp về lãi suất nhưng phần quyết định của bản án không tuyên phần không được chấp nhận của phía nguyên đơn để tính án phí nguyên đơn phải chịu là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N. Chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: số 53/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh .

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn T về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ gốc 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi 174.200.000 (một trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi 694.200.000 (sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi với số tiền 58.066.000 (năm mươi tám triệu) đồng của bà Phạm Thị L.

4. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.040.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Phạm Thị L đã nộp tạm ứng chi phí giám định 2.040.000 đồng và đã chi phí xong; bà N, ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L tiền chi phí giám định 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T còn phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T phải chịu 31.768.000 (ba mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Bà Phạm Thị L phải chịu 2.903.000 (hai triệu chín trăm lẻ ba nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.400.000 (mười hai triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005102 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả bà Phạm Thị L số tiền 9.497.000 đồng (chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0005787 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, ghi nhận đã nộp xong.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*- VKS tỉnh Tây Ninh;*
*- Chi cục THADS h.T;*
*- TAND h. T;*
*- Các đương sự;*
*- LưuTDS;*
*-Lưu hồ sơ, tập án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Hồng Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**